TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn và ông Vũ Minh Huấn.
- Thư ký phiên tòa: Ông Má A Trư-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Lào Cai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Nghiệp-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Lào Cai, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐST-HNGĐ-SP ngày 16 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ-SP ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 19xx.
Bị đơn: Anh Nông Văn H, sinh năm 19xx.
Cùng địa chỉ: Thôn 14, xã B, tỉnh Lào Cai.
Các đương sự đều có đơn xin xét xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Nông Văn H tự nguyện kết hôn ngày 01 tháng 01 năm 2007, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp bất đồng quan điểm, anh Nông Văn H không quan tâm trách nhiệm đến gia đình vợ con, thậm chí anh Nông Văn H còn có lời nói xúc phạm chị dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Chị Lò Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nông Văn H.

Về con chung: Chị Lò Thị L xác định chị và anh Nông Văn H có 05 con chung, cháu Nông Hà Ch, sinh ngày 29 tháng 3 năm 20xx, cháu Nông Kiều T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 20xx, cháu Nông Thùy V, sinh ngày 15 tháng 10 năm 20xx, cháu Nông Ái C, sing ngày 24 tháng 11 năm 20xx và cháu Nông Anh Kh, sinh

ngày 23 tháng 5 năm 20xx. Đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nông Hà Chuyên, cháu Nông Thùy Vân và cháu Nông Ái Chân cho chị Lò Thị L quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nông Văn H quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Kiều Tuyên và cháu Nông Anh Khôi đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lò Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2025, anh Nông Văn H trình bày: Anh thừa nhận chị Lò Thị L trình bày về thời gian anh chị đăng ký kết hôn và trong thời gian chung sống. Anh thừa nhận cuộc sống chung có mâu thuẫn dẫn, nguyên nhân do chị Lò Thị L sống không tình cảm, không quan tâm trách nhiệm với anh, ngoài ra chị Lò Thị L còn thiếu tôn trọng trong công việc gia đình không bàn bạc với anh. Anh nhận thấy tình cảm vợ chông không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 05 con chung, cháu Nông Hà Ch, sinh ngày 29 tháng 3 năm 20xx, cháu Nông Kiều T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 20xx, cháu Nông Thùy V, sinh ngày 15 tháng 10 năm 20xx, cháu Nông Ái C, sing ngày 24 tháng 11 năm 20xx và cháu Nông Anh Kh, sinh ngày 23 tháng 5 năm 20xx. Đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nông Hà Ch, cháu Nông Kiều T, cháu Nông Thúy V và cháu Nông Nông Anh Kh cho anh Nông Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nông Ái C cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nông Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Lào Cai: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn anh Nông Văn H.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Nông Hà Ch, cháu Nông Kiều T, và cháu Nông Anh Kh cho anh Nông Văn H quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao cháu Nông Thùy V, cháu Nông Ái Ch cho chị Lò Thị L quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tuyên án phí quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lò Thị L khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, đối với anh Nông Văn H có địa chỉ thôn 14, xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ giải quyết là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- Lào Cai. Chị Lò Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nông Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Nông Văn H tự nguyện kết hôn ngày 01 tháng 02 năm 2007, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, anh Nông Văn H không quan tâm đến vợ con dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị Lò Thị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Nông Văn H nhất trí. Từ nội dung nêu trên điều đó cho thấy cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị L được ly hôn anh Nông Văn H.

[3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị L và anh Nông Văn H xác định có 05 con chung, cháu Nông Hà Ch, sinh ngày 29 tháng 3 năm 20xx, cháu Nông Kiều T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 20xx, cháu Nông Thùy V, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2011, cháu Nông Ái Chân, sing ngày 24 tháng 11 năm 20xx và cháu Nông Anh Kh, sinh ngày 23 tháng 5 năm 20xx. Anh, chị đều có nguyện vọng đề nghị được nuôi con chung, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm san sẻ bảo trách nhiệm nuôi con, điều kiện khả năng về mội mặt của anh chị tương đương nhau khi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với khả năng của mỗi người cũng như đảm bảo được về tâm lý, sinh hoạt và học tập cho các con chung, đồng thời xem xét đến nguyện vọng của các con chung để duy trì sự gắn bó, quan tâm của bố, mẹ và các con. Hội đồng xét thấy giao cháu Nông Hà Ch, cháu Nông Kiều T và cháu Nông Anh Kh cho anh Nông Văn H quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao cháu Nông Thùy V, cháu Nông Ái C cho chị Lò Thị L quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh Nông Văn H và chị Lò Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Hội đồng xét xử xét thấy hộ gia đình chị Lò Thị L là hộ nghèo, sinh sống xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai thuộc vùng đặc biệt khó khăn nên miễn án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn anh Nông Văn H. Quan hệ hôn nhân của anh Nông Văn H và chị Lò Thị L được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Nông Hà Ch, sinh ngày 29 tháng 3 năm 20xx, cháu Nông Kiều T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 20xx và cháu Nông Anh Kh, sinh ngày 23 tháng 5 năm 20xx cho anh Nông Văn H quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao cháu Nông Thùy V, sinh ngày 15 tháng 10 năm 20xx, cháu Nông Ái C, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2020 cho chị Lò Thị L quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Miễn án toàn bộ phí sơ thẩm dân sự hôn nhân gia đình số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) cho chị Lò Thị L.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh, khu vực 7-Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 7-Lào Cai;
- UBND xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai; ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà